

- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	(lần)	1,03	1,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		(%)	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	N/A	4,69
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	(%)	N/A	6,75

#### 4. Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương I

##### 4.1 Cơ cấu cổ đông VINAVETCO tại ngày 31/12/2021

Bảng : Cơ cấu cổ đông theo Nguồn: Danh sách Cổ đông Vinavetco ngày 10/11/2021

STT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>206</b>	<b>14.249.956</b>	<b>142.499.560.000</b>	<b>100%</b>
1	Tổ chức	2	4.003.133	40.031.330.000	28,092222%
2	Cá nhân	264	8.249.987	102.468.230.000	71,907687%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
1	Cá nhân	0	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0	0%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>130.000</b>	<b>0,000091%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>266</b>	<b>14.249.969</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>100%</b>

#### Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VINAVETCO

STT	Họ và tên	Số CMT/Hộ chiếu/GCNDK KD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
01	CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	GPĐKKD số:50/UBCK-GP cấp ngày 26/10/2010	Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	4.000.000	28,07

02	LÊ CHÍ CƯỜNG	CMT số: 011813890 cấp ngày 24/05/2007	Tổ 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	1.000.000	7,018
----	--------------	--	--	-----------	-------

### Quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi chuyển thành Công ty Cổ phần đến nay, Vinavetco đã thực hiện tăng vốn 6 lần, chi tiết như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 1	10/2005	4.900	11.900	Phát hành cổ phiếu thường	Nghị quyết số 181 HĐQT/NQ ngày 27/07/2003 Công văn 823/BNN/TC ngày 19/04/2004
Lần 2	10/2006	2.380	14.280	Phát hành cổ phiếu thường	Hồ sơ Bán tiếp cổ phần thuộc phần vốn nhà nước tại Công ty CP thuốc thú y TWI
Lần 3	2/2008	18.798	33.078	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/QĐ-ĐKKD/2008 ngày 24/09/2008
Lần 4	6/2009	32.922	66.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn năm 2009 của Vinavetco
Lần 5	08/2014	16.500	82.500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 số 16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2014 Giấy phép chấp thuận chào bán số 4103/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Lần 6	13/05/2021	5.999.969	142.499.690.000	Phát hành	Nghị quyết ĐHĐCĐ



				cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay cho các cá nhân/tổ chức	năm 2021 số 06/NQ-ĐHĐCĐ_BT ngày 20/02/2021 Nghị quyết chào bán số:07/2021/NQ-HĐQT ngày 04/03/2021, Số: 10/2021/NQ-HĐQT ngày 30/03/2021 Giấy phép chấp thuận chào bán số 1640/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
--	--	--	--	---	--

Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay

#### **Cổ đông sáng lập**

Công ty thành lập từ ngày 07/06/2000, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay thời gian hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

#### **4.2. Danh sách Công ty con, những Công ty đang được nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.**

##### **Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1**

+ Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Thôn Bình Lương, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0900227476 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 05/05/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 19/05/2018

+ Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

+ Danh mục ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu: Sản xuất thuốc thú y, thuốc thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

#### **5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

##### **5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

+ Việc quản lý sử dụng các nguyên vật liệu của công ty được sản xuất theo dây chuyền đại tiêu chuẩn GMP- WHO, có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải không làm ảnh hưởng đến môi trường.

+ Toàn bộ rác thải của công ty được ký hợp đồng với công ty quản lý môi trường đô thị.

##### **5.2. Tiêu thụ năng lượng:**

+ Công ty luôn chú trọng đến các vấn đề về tiết kiệm năng lượng, nâng cao ý thức cho cán bộ công nhân viên sử dụng tiết kiệm điện.

### 5.3. Tiêu thụ nước:

+ Công ty có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

### 5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

+ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

+ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 5.5. Chính sách liên quan đến người lao động

+ Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

+ Toàn Công ty có số Số lượng lao động là: 93 người, mức lương bình quân đối với người lao động là: 10.508.107.đồng

## III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành bao gồm các nội dung sau:

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1. Doanh thu thuần	145.732.542.005	173.848.030.015	19,29
2. Giá vốn hàng bán	111.658.828.467	138.165.911.120	23,74
3. Lợi nhuận gộp	34.073.713.538	35.682.118.895	4,72
4. Doanh thu tài chính	537.093.760	848.892.478	58,05
5. Chi phí tài chính	12.551.284.437	1.126.805.322	-91,02
6. Chi phí bán hàng	20.951.492.994	21.572.520.285	2,96
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.952.461.870	6.592.091.059	-26,37
8. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	(7.844.432.003)	7.239.594.707	192,29
9. Lợi nhuận khác	7.406.024.823	1.724.312.472	-76,72
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(438.407.180)	8.963.907.179	2144,65



11.Thuế TNDN hiện hành	599.346.247	806.461.835	35,42
12.Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.037.753.427)	8.157.445.344	886,07
13.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	-126	675	636,59

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương I năm 2021)

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần thể hiện qua doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2021 Tăng 19,29 % so với năm 2020 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng.Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm, năm 2020 số lỗ 1,037 tỷ. Năm 2021 kết quả kinh doanh lãi 8,157 tỷ tăng 8,86 lần đối với lợi nhuận sau thuế. Nhưng chi phí bán hàng tăng 2,96%, chi phí quản lý giảm 26,37%, do có phát sinh khoản hoàn nhập dự phòng .

## 2.Tình hình tài chính của Công ty

### 2.1 Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<b>A.Tài sản ngắn hạn</b>	<b>42.330.624.220</b>	<b>62.018.095.227</b>
I.Tiền	14.172.289.594	17.804.374.630
II.Các khoản phải thu ngắn hạn	13.164.221.131	15.304.381.451
III.Hàng tồn kho	14.433.768.956	27.475.218.359
IV. Tài sản ngắn hạn khác	560.344.539	1.434.120.787
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>98.678.754.808</b>	<b>92.934.912.249</b>
I.Tài sản cố định	98.528.226.101	92.215.633.424
II. Tài sản dở dang dài hạn		
III.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
IV. Tài sản dài hạn khác	130.563.707	699.313.825
<b>Tổng tài sản</b>	<b>141.009.379.028</b>	<b>154.953.007.476</b>

### 2.2 Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
A.Nợ phải trả	<b>254.995.952.016</b>	<b>85.862.460.216</b>